

Phụ lục I
BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN CỦA CƠ SỞ GIÁO DỤC
THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC MẦM NON, GIÁO DỤC
PHỔ THÔNG, GIÁO DỤC THƯỜNG XUYÊN¹
(Kèm theo Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 06 năm 2024 của
Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN NÚI THÀNH
TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ NGUYỄN KHUYẾN

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
Năm: 2024- 2025

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên cơ sở giáo dục: **Trường THCS Nguyễn Khuyến**

2. Địa chỉ trụ sở chính và các địa chỉ hoạt động khác của cơ sở giáo dục, điện thoại, địa chỉ thư điện tử, cổng thông tin điện tử hoặc trang thông tin điện tử của cơ sở giáo dục (sau đây gọi chung là cổng thông tin điện tử).

Địa chỉ: Thôn Nam Định, xã Tam Anh Nam, huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam

Điện thoại: 0235.3892.736

Địa chỉ thư điện tử: truongthcsnguyenkhuyennt@gmail.com

3. Loại hình của cơ sở giáo dục, cơ quan/ tổ chức quản lý trực tiếp hoặc chủ sở hữu; tên nhà đầu tư thành lập cơ sở giáo dục, thuộc quốc gia/ vùng lãnh thổ (đối với cơ sở giáo dục có vốn đầu tư nước ngoài); danh sách tổ chức và cá nhân góp vốn đầu tư (nếu có).

- Loại hình cơ sở giáo dục: Công lập

- Cơ quan quản lý trực tiếp: Ủy ban nhân dân huyện Núi Thành

4. Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu của cơ sở giáo dục.

4.1.Sứ mạng

Tạo dựng một môi trường học tập thân thiện, có kỷ cương, tình thương trách nhiệm, có chất lượng giáo dục cao trong топ đầu của huyện Núi Thành để mỗi học sinh đều được phát triển toàn diện.

4.2. Tầm nhìn

Duy trì trường đạt kiểm định chất lượng giáo dục Cấp độ 3 và chuẩn quốc gia Mức 2 tiến tới trường đạt kiểm định chất lượng giáo dục Cấp độ 4 vào năm 2030. Xây dựng nhà trường có đầy đủ cơ sở cơ sở vật chất đáp ứng giáo dục toàn diện học

sinh. Nâng cao vị thế và thương hiệu nhà trường; Giáo viên, học sinh luôn tự tin, năng động và luôn có khát vọng vươn lên.

4.3. Mục tiêu

4.3.1. Mục tiêu phát triển giáo dục

Tiếp tục thực hiện chương trình giáo dục phổ thông 2018.

Tiếp tục dạy học tích hợp giáo dục kỹ năng sống, bảo vệ môi trường, tiết kiệm năng lượng, giáo dục thông qua di sản ...

Nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, đáp ứng cao nhất nhu cầu học tập của học sinh.

4.3.2. Mục tiêu phát triển chất lượng giáo dục

Trong giai đoạn 2021- 2025 phấn đấu chỉ tiêu các hoạt động cụ thể như sau:

- Tuyển sinh vào lớp 6: 100%.
- Tỷ lệ bỏ học trong năm và qua hè: $< 0,5\%$.
- Phổ cập giáo dục trung học cơ sở: đạt mức độ 3.
- Xếp loại học tập và rèn luyện:
 - + Rèn luyện: 100% xếp loại Đạt trở lên (trong đó loại Khá, Tốt: 95% trở lên).
 - + Học tập: Tốt: Từ 25% trở lên.
Khá: Từ 35% trở lên.
Chưa đạt: $< 5\%$.

- Số học sinh được xét công nhận tốt nghiệp THCS: 100%.

- Huy động trên 85% trở lên số học sinh tốt nghiệp THCS vào học trung học phổ thông, bổ túc THPT, học nghề.

- Hằng năm, phong trào học sinh giỏi cấp huyện đạt vị thứ từ 1-3 so với các trường THCS trong huyện.

- Hằng năm có học sinh tham gia dự thi và đạt giải cấp tỉnh.

5. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của cơ sở giáo dục.

Trường Trung học cơ sở Nguyễn Khuyến trước đây là Trường Trung học Tỉnh hạt Kỳ Chánh (thành lập năm 1971). Từ sau ngày giải phóng qua nhiều lần tách nhập (PTCS Tam Anh, PTCS số 1 Tam Anh), đến năm 1997 UBND tỉnh Quảng Nam ban hành Quyết định số 372/QĐ ngày 13/02/1997 về việc thành lập Trường THCS Tam Anh. Đến năm 2007 UBND huyện Núi Thành ban hành Quyết định số 3193/QĐ-UBND ngày 14/9/2007 về việc đổi tên Trường THCS Tam Anh thành Trường THCS Nguyễn Khuyến. Qua nhiều lần thay đổi diện mạo, đến năm 2020 trường được xây

dựng tại cơ sở mới, cơ sở vật chất khang trang, sạch đẹp đã đáp ứng được nhu cầu giáo dục toàn diện cho học sinh. Với sự nỗ lực phấn đấu của đội ngũ Viên chức người lao động và các em học sinh nhà trường nhiều năm liền trường đạt trường Tiên tiến và Tập thể lao động xuất sắc được UBND tỉnh tặng bằng khen, 03 lần liên tiếp được Ủy ban nhân dân tỉnh tặng Cờ thi đua, 03 lần được Bộ GD&ĐT tặng bằng khen. Trường đạt kiểm định chất lượng giáo dục Cấp độ 3 và đạt chuẩn quốc gia Mức độ 2. Trường THCS Nguyễn Khuyến đã góp phần đáng kể trong việc nâng cao dân trí, đào tạo nguồn nhân lực cho địa phương và đất nước. Nhà trường đang từng bước khẳng định sự trưởng thành và là địa chỉ tin cậy của cha, mẹ học sinh và toàn thể nhân dân xã Tam Anh Nam.

6. Thông tin người đại diện pháp luật hoặc người phát ngôn hoặc người đại diện để liên hệ, bao gồm: Họ và tên, chức vụ, địa chỉ nơi làm việc; số điện thoại, địa chỉ thư điện tử.

Thông tin người đại diện: Hiệu trưởng: Võ Hồng Khanh. Số điện thoại: 0984.158.350. Thư điện tử: hongkhanh1980@gmail.com.

7. Tổ chức bộ máy:

a) Quyết định thành lập, cho phép thành lập, sáp nhập, chia, tách, cho phép hoạt động giáo dục, đình chỉ hoạt động giáo dục của cơ sở giáo dục hoặc phân hiệu của cơ sở giáo dục (nếu có);

<https://nguyenkhuyen-nuithanh.edu.vn/vi/laws/182-So-372-QD-ngay-13-02-1997/>

b) Quyết định công nhận hội đồng trường, chủ tịch hội đồng trường và danh sách thành viên hội đồng trường; <https://nguyenkhuyen-nuithanh.edu.vn/vi/laws/185-Quyết-dinh-cong-nhan-Hoi-dong-truong/>

c) Quyết định điều động, bổ nhiệm, công nhận hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, giám đốc, phó giám đốc hoặc thủ trưởng, phó thủ trưởng cơ sở giáo dục;

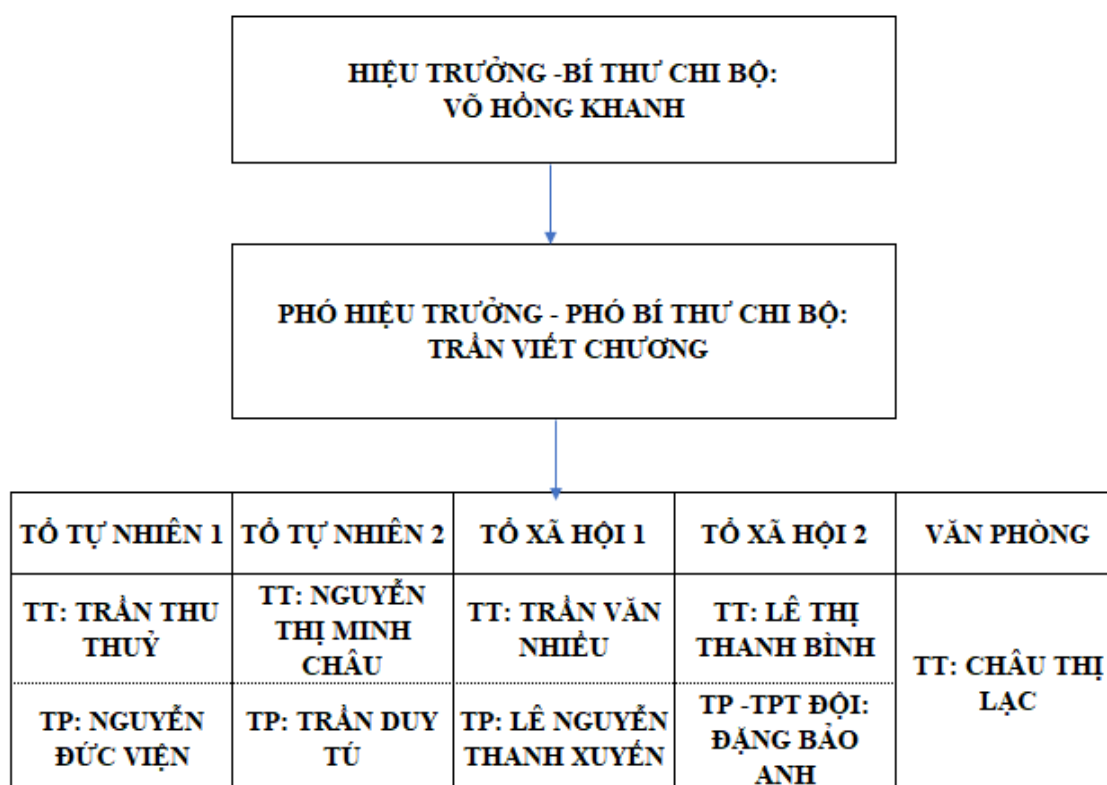
Quyết định bổ nhiệm Hiệu trưởng: <https://nguyenkhuyen-nuithanh.edu.vn/vi/laws/183-Quyết-dinh-bo-nhiem-Hieu-truong/>

Quyết định bổ nhiệm Phó hiệu trưởng: <https://nguyenkhuyen-nuithanh.edu.vn/vi/laws/184-Quyết-dinh-bo-nhiem-Pho-Hieu-truong/>

d) Quy chế tổ chức và hoạt động của cơ sở giáo dục; chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ sở giáo dục và của các đơn vị thuộc, trực thuộc, thành viên (nếu có); sơ đồ tổ chức bộ máy của cơ sở giáo dục;

Quy chế tổ chức hoạt động: Theo Quyết định số 164/QĐ-THCSNK ngày 07/10/2024 của Trường THCS Nguyễn Khuyến về việc Quyết định ban hành Quy chế làm việc trong nhà trường (Đã công khai trên Website theo đường link: <https://nguyenkhuyen-nuithanh.edu.vn/vi/laws/181-Quyết-dinh-so-164-QD-THCSNK-ngay-07-10-2024/>

Sơ đồ tổ chức bộ máy



đ) Quyết định thành lập, sáp nhập, chia tách, giải thể các đơn vị thuộc, trực thuộc, thành viên (nếu có);

<https://nguyenkhuyen-nuithanh.edu.vn/vi/laws/182-So-372-QD-ngay-13-02-1997/>

e) Họ và tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử, địa chỉ nơi làm việc, nhiệm vụ, trách nhiệm của lãnh đạo cơ sở giáo dục và lãnh đạo các đơn vị thuộc, trực thuộc, thành viên của cơ sở giáo dục (nếu có).

Lãnh đạo cơ sở:

Ông Võ Hồng Khanh – Hiệu trưởng, số điện thoại: 0984.158.350, địa chỉ Email: hongkhanh1980@gmail.com.

Ông: Trần Viết Chương – Phó Hiệu trưởng, số điện thoại: 0835357717, địa chỉ Email: vietchuong1978@gmail.com

8. Các văn bản khác của cơ sở giáo dục: Chiến lược phát triển của cơ sở giáo dục; quy chế dân chủ ở cơ sở của cơ sở giáo dục <https://nguyenkhuyen-nuithanh.edu.vn/vi/laws/73-04-KH-THCSNK/>;

<https://nguyenkhuyen-nuithanh.edu.vn/vi/laws/187-Quyết-dinh-ban-hanh-Quy-che-dan-chu-nam-2025/>

Các quy định về quản lý hành chính, nhân sự, tài chính; chính sách thu hút, phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục; <https://nguyenkhuyen-nuithanh.edu.vn/vi/laws/186-Quy-che-chi-tieu-no-bo-nha-truong-nam-2025/>

Kế hoạch và thông báo tuyển dụng của cơ sở giáo dục và các quy định, quy chế nội bộ khác (nếu có).

<https://nguyenkhuyen-nuithanh.edu.vn/vi/laws/153-Thong-bao-tuyen-dung-giao-vien-hop-dong-nam-hoc-2024-2025/>

Tất cả các văn bản trên được niêm yết tại đơn vị; được đăng tải trên website của nhà trường tại địa chỉ: <https://nguyenkhuyen-nuithanh.edu.vn/vi/laws/>

II. ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN

1. Thông tin về đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên:

a) Số lượng giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên chia theo nhóm vị trí việc làm và trình độ được đào tạo;

TT	Vị trí việc làm	Tổng cộng	Chức danh nghề nghiệp viên chức GVTHCS					Còn thiếu, cần bổ sung thêm
			Chia ra					
			Hạng I	Hạng II	Hạng III	Hạng IV	Chưa xếp hạng	
I	Lãnh đạo, quản lý	2		2				
1	Hiệu trưởng	1		1				
2	Phó Hiệu trưởng	1		1				
II	Chức danh nghề nghiệp chuyên ngành	31		21	10	0		11
3	Giáo viên Tổng phụ trách	1		1				1
4	Giáo viên Toán	5		4	1	0		3
5	Giáo viên Ngữ Văn	5		3	2	0		2

6	Giáo viên Tiếng Anh	4		3	1	0		0
7	Giáo viên KHTN	7		4	3	0		1
8	Giáo viên Lịch sử-Địa lý	4		3	1	0		0
9	Giáo viên Tin học	1		1	0	0		0
10	Giáo viên GDTC	2		2	0	0		0
11	Giáo viên GD CD							
12	Giáo viên Công nghệ							
13	Giáo viên Nghệ thuật	1		0	1	0		1
14	Giáo viên GD ĐP	0		0	0	0		0
15	Giáo viên HĐTN- HN	0		0	0	0		0
16	Thiết bị, thí nghiệm	1		0	1	0		0
17	Giáo vụ	0						1
18	Tư vấn học sinh	0						1
19	Hỗ trợ giáo dục người khuyết tật	0						1
III	Vị trí việc làm chuyên môn dùng chung	03			01	02		
1	Kế toán	1				1		
2	Văn thư	1				1		
3	Thư viện	1			1			

IV	Vị trí việc hỗ trợ phục vụ	02					02	
1	Bảo vệ	1					1	
2	Phục vụ	1					1	
	Tổng cộng I + II+III+IV	38		23	11	02	02	

b) Số lượng, tỷ lệ giáo viên, cán bộ quản lý đạt chuẩn nghề nghiệp theo quy định;

- Cán bộ quản lý: 02, tỉ lệ đạt chuẩn nghề nghiệp: Tốt: 100%
- Giáo viên: 30 tỉ lệ đạt chuẩn nghề nghiệp: Tốt: 93,3%, Khá: 6,6%, Đạt: 0%.

c) Số lượng, tỷ lệ giáo viên cán bộ quản lý và nhân viên hoàn thành bồi dưỡng hằng năm theo quy định.

- Có 100% cán bộ quản lý, giáo viên học bồi bồi dưỡng về sách giáo khoa hằng năm theo lộ trình thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018.

- Có 100% cán bộ quản lý, giáo viên hoàn thành bồi dưỡng thường xuyên mô đun từ 1-9.

- Hiệu trưởng cho tất cả các nhân viên tham gia bồi dưỡng về chuyên môn phù hợp với vị trí việc làm hằng năm.

III. CƠ SỞ VẬT CHẤT

a) Diện tích khu đất xây dựng trường, điểm trường, diện tích bình quân tối thiểu cho một học sinh; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định;

Tổng diện tích: 31.350 m²

STT	Các hạng mục công trình	Số lượng	Thực trạng	Thừa (+), Thiếu (-) (Mức 2)
1	Khối phòng hành chính quản trị			
1.1	Phòng Hiệu trưởng	1	Tốt	
1.2	Phòng Phó Hiệu trưởng	1	Tốt	
1.3	Văn phòng	1	Tốt	
1.4	Phòng bảo vệ	1	Tốt	
1.5	Khu vệ sinh GVCBNV	2	Tốt	

1.6	Khu đỗ xe GVCBNV	1	Tốt	
1.7	Phòng Đảng, đoàn thể	1	Tốt	
2	Khối phòng học tập			
2.1	Phòng học	12	Tốt	-8 (Nếu học 2 buổi/ngày)
2.2	Phòng học bộ môn Âm nhạc	0	-	-1
2.3	Phòng học bộ môn Mỹ thuật	0	-	-1
2.4	Phòng học bộ môn Công nghệ	01	Tốt	
2.5	Phòng học bộ môn Khoa học tự nhiên (Lý, Hóa, Sinh)	03	Tốt	
2.6	Phòng học bộ môn Tin học	01	Tốt	
2.7	Phòng học bộ môn Ngoại ngữ	01	Tốt	
2.8	Phòng đa chức năng	0	-	-1
2.9	Phòng học bộ môn Khoa học xã hội	0	-	-2
3	Khối phòng hỗ trợ học tập			
3.1	Thư viện	03	Tốt	
3.2	Phòng thiết bị giáo dục	01	Tốt	
3.3	Phòng tư vấn học đường và hỗ trợ giáo dục học sinh khuyết tật học hòa nhập	0	-	-1
3.4	Phòng truyền thống	01	Tốt	
3.5	Phòng Đoàn, Đội	01	Tốt	
4	Khối phụ trợ			
4.1	Phòng họp	0	-	-1
4.2	Phòng các tổ chuyên môn	03	Tốt	-1
4.3	Phòng y tế trường học	01	Tốt	
4.4	Nhà kho	01	Tốt	
4.5	Khu đỗ xe học sinh	01	Tốt	-1

4.6	Khu vệ sinh học sinh	02	Tốt (Nam nữ riêng biệt)	
4.7	Phòng nghỉ giáo viên	0	-	-1
4.8	Phòng giáo viên	1	Tốt	
4.9	Cổng, hàng rào	1	Tốt	
5	Khu sân chơi, thể dục thể thao			
5.1	Sân trường	01	Đảm bảo	
5.2	Sân thể dục thể thao	04	Đảm bảo	
5.3	Nhà đa năng	0	-	-1
5.4	Bể bơi	0	-	-1
6	Diện tích			
6.1	Tổng số diện tích đất khu vực trường (m ²)	30.000	Đảm bảo	
6.2	Tổng diện tích sân chơi, bãi tập (m ²)	10.000	Đảm bảo	
6.3	Diện tích phòng học (m ²)	800	Đảm bảo	
6.4	Diện tích phòng học bộ môn (m ²)	450	Tốt	
6.5	Diện tích thư viện (m ²)	150	Tốt	
7.6	Diện tích phòng truyền thống (m ²)	72	Tạm	
8.7	Tổng diện tích phòng làm việc	300	60%	
8.8	Tổng diện tích phòng vệ sinh	100	Đảm bảo	
8.9	Tổng diện tích nhà để xe	450	Đảm bảo	
7	Thiết bị dạy học tối thiểu theo quy định			
7.1	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có theo quy định	8	Đảm bảo	
7.2	Khối lớp 6	2	Đảm bảo	
7.3	Khối lớp 7	2	Đảm bảo	
7.4	Khối lớp 8	2	Đảm bảo	
7.5	Khối lớp 9	2	Đảm bảo	

8	Máy vi tính			
8.1	Máy vi tính đang phục vụ dạy học phòng Tin	25	Hỏng 5	
8.2	Máy vi tính đang dạy trên các phòng	12	Tốt	
8.3	Máy vi tính đang làm việc	12	Tốt	
8.4	Các thiết bị nghe nhìn khác			
8.5	Ti vi	14	Tốt	
8.6	Cát xét	01	Tốt	
8.7	Đầu chiếu	01	Hỏng 50%	
8.8	Âm thanh công suất lớn	01	Tạm	
9	Máy in, pho to	08	Tốt	
10	Bàn, ghế học sinh			
10.1	Bàn ghế đúng chuẩn	280	Tốt	
10.2	Bàn ghế chưa đúng chuẩn	120	Chưa đảm bảo	
11	Bàn, ghế GV, bàn ghế làm việc			
11.1	Bàn, ghế GV	16	Tốt	
11.2	Bàn ghế làm việc	12	Tốt	
11.3	Bàn ghế bạn đọc phòng thư viện	20	Tốt	
12	Tổng số đầu sách ở thư viện	3000 cuốn	Tốt	

c) Số thiết bị dạy học hiện có; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định;
Số thiết bị dạy học hiện có: 724 bộ.

Đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định: Thiếu 149 bộ.

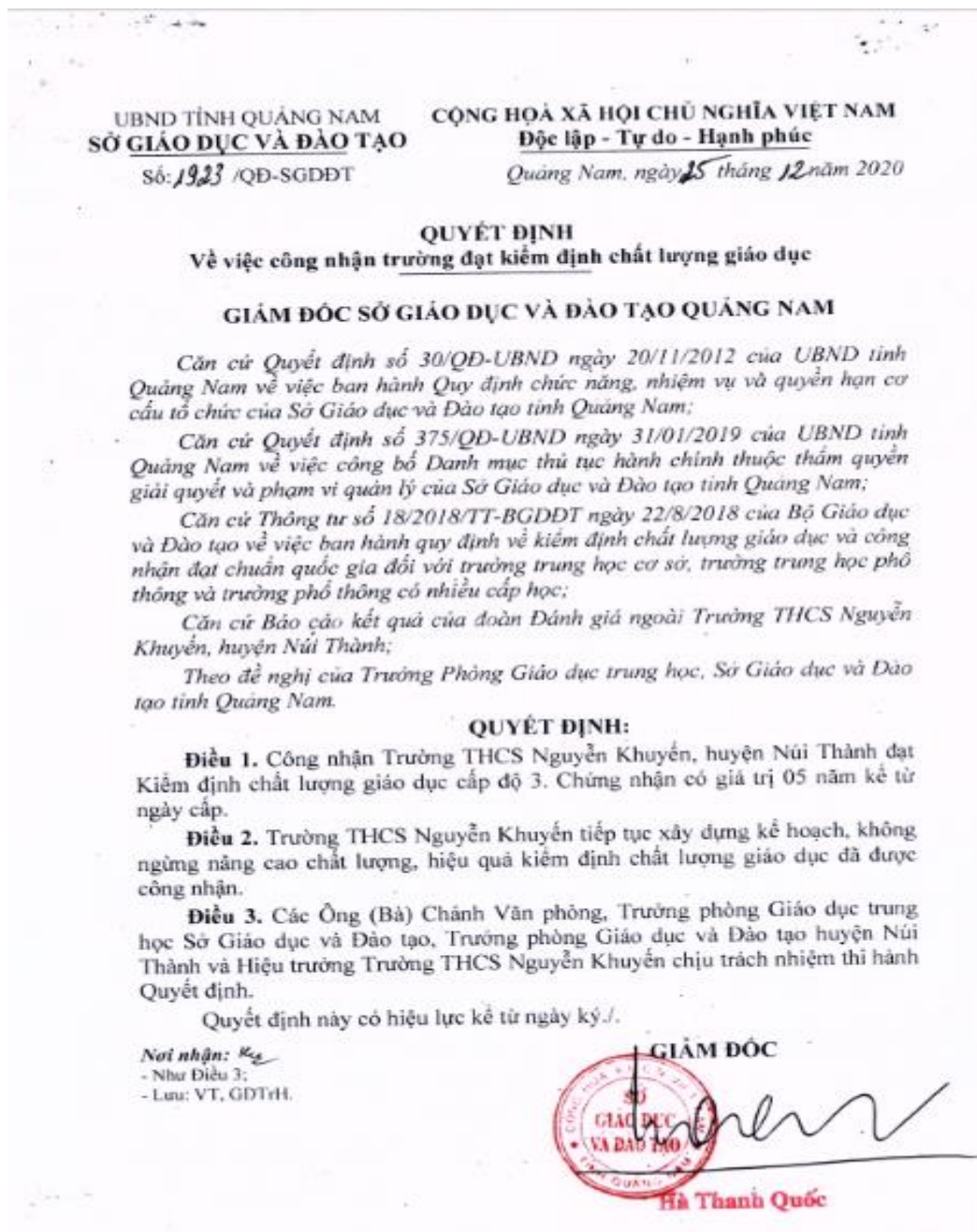
d) Danh mục sách giáo khoa sử dụng trong cơ sở giáo dục đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt; danh mục, số lượng xuất bản phẩm tham khảo tối thiểu đã được cơ sở giáo dục lựa chọn, sử dụng theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Danh mục sách giáo khoa sử dụng trong cơ sở giáo dục đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt: 669 bản, sách giáo viên: 282 bản.

Danh mục, số lượng xuất bản phẩm tham khảo tối thiểu đã được cơ sở giáo dục lựa chọn, sử dụng theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo: 4634 bản.

IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC⁵

Quyết công nhận Trường đạt Kiểm định chất lượng giáo dục



V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC⁶

Thông tin về kết quả giáo dục thực tế của năm học trước:

- Kết quả tuyển sinh lớp 6: 200/200 học sinh, đạt tỉ lệ 100%.

I. Diễn biến số lượng

Khối lớp	Số cuối năm trước	Số sau thi lại L.Lớp	Biến động trong hè					Số đầu năm				Biến động trong năm				Số cuối năm		Bỏ học	
			Tuyển mới (C. Đến)	Huy động lại	Lưu ban	Chuyển đi, chết	Bỏ học	Số lớp	Số học sinh	Số nữ	Số khuyết tật	Chuyển đến	Huy động lại	Chuyển đi, chết	Bỏ học	Số lớp	Số học sinh	Số lượng	Tỷ lệ
6	205	201	201	0	0	1	0	5	200	89	1	0	0	0	0	5	200	0	0,0%
7	198	205	5	0	0	3	0	5	207	105	0	1	0	0	0	5	208	0	0,0%
8	130	198	3	0	0	2	0	5	199	101	0	0	0	0	0	5	199	0	0,0%
9	162	130	0	0	0	3	0	3	127	56	1	0	0	0	3	3	124	3	2,4%
TC	695	734	209	0	0	9	0	18	733	351	2	1	0	0	3	18	731	3	0,4%

II. Học lực

KHỐI LỚP	TỔNG SỐ HS		Kết quả cuối năm						Kết quả thi lại					Giải		Khá		TB	Yếu & Kém	
	ĐN	CN	Giỏi	Khá	TB	Yếu	Kém	Giỏi	Khá	TB	Yếu	Kém	SL	SL	SL	SL	SL		TL	
6	200	200	79	67	54	0	0						79	39,5%	67	33,5%	54	0	0,0%	
7	207	208	93	68	47	0	0						93	44,7%	68	32,7%	47	0	0,0%	
8	199	199	81	68	50	0	0						81	40,7%	68	34,2%	50	0	0,0%	
9	127	124	26	44	54	0	0						26	21,0%	44	35,5%	54	0	0,0%	
TC	733	731	279	247	205	0	0	0	0	0	0	0	279	38,2%	247	33,8%	205	0	0,0%	

III. Hạnh kiểm và kết quả chung

KHỐI LỚP	TỔNG SỐ HS		Kết quả cuối năm				Kết quả RLHK				Tốt	Khá	Tốt & Khá		TB	Yếu		Kết quả sau thi lại	
	ĐN	CN	TỐT	Khá	TB	Yếu	TỐT	Khá	TB	Yếu			SL	TL %		SL	TL	SL	TL
6	200	200	194	6	0	0					194	6	200	100,0%	0	0	0,0%	200	100,0%
7	207	208	195	12	1	0					195	12	207	99,5%	1	0	0,0%	208	100,0%
8	199	199	181	16	2	0					181	16	197	99,0%	2	0	0,0%	199	100,0%
9	127	124	112	10	2	0					112	10	122	98,4%	2	0	0,0%	124	100,0%
TC	733	731	682	44	5	0	0	0	0	0	682	44	726	99,3%	5	0	0,0%	731	100,0%

Số lượng học sinh được công nhận tốt nghiệp năm 2025: 124/124, tỉ lệ 100%

VI. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH

Đơn vị tính: Đồng

TT	Nội dung thu, chi tài chính	Năm 2023	Năm 2024
1	Các khoản thu phân theo: Nguồn kinh phí (ngân sách nhà nước, hỗ trợ của nhà đầu tư; học phí, lệ phí và các khoản thu khác từ người học; kinh phí tài trợ và hợp đồng với bên ngoài; nguồn thu khác) và loại hoạt động (giáo dục và đào tạo; khoa học và công nghệ; hoạt động khác)	6.071.500.000	7.910.748.000
2	Các khoản chi phân theo: Chi tiền lương và thu nhập (lương, phụ cấp, lương tăng thêm và các khoản chi khác có tính chất như lương cho giáo viên, giảng viên, cán bộ quản lý, nhân viên,...); chi cơ sở vật chất và dịch vụ (chi mua sắm, duy tu sửa chữa, bảo dưỡng và vận hành cơ sở vật chất, trang thiết bị, thuê mướn các dịch vụ phục vụ trực tiếp cho hoạt động giáo dục, đào tạo, nghiên cứu, phát triển đội ngũ,...); chi hỗ trợ người học (học bổng, trợ cấp, hỗ trợ sinh hoạt, hoạt động phong trào, thi đua, khen thưởng,...); chi khác.	6.054.120.000	7.901.718.000
3	Các khoản thu và mức thu đối với người học, bao gồm: học phí, lệ phí, tất cả các khoản thu và mức thu ngoài học phí, lệ phí (nếu có) trong năm học và dự kiến cho từng năm học tiếp theo của cấp học hoặc khóa học của cơ sở giáo dục trước khi tuyển sinh, dự tuyển.	30.000	30.000

4	Chính sách và kết quả thực hiện chính sách hằng năm về trợ cấp và miễn, giảm học phí, học bổng đối với người học	17.380.000	9.030.000
5	Số dư các quỹ theo quy định, kể cả quỹ đặc thù (nếu có)	0	0
6	Các nội dung công khai tài chính khác thực hiện theo quy định của pháp luật về tài chính, ngân sách, kế toán, kiểm toán, dân chủ cơ sở.	0	0

VII. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHÁC⁸

Công tác tài chính, tài sản, văn phòng:

Hoàn thành đầy đủ hồ sơ, chứng từ theo quy định kịp thời, chính xác như lương, nâng lương, tài chính tài sản và các khoản phụ cấp khác... Đảm bảo công tác thu chi, công khai tài chính theo đúng quy định đã được Phòng Tài chính huyện duyệt quyết toán.

Bảo vệ tốt các tài sản của nhà trường, trong năm không có xảy ra mất mát tài sản. Đảm bảo các loại hồ sơ lưu của nhà trường, các văn bản đi đến đúng thời gian quy định.

Công tác y tế: Làm tốt công tác y tế trường học, phối hợp với Trạm y tế để tuyên truyền sức khỏe sinh sản vị thành niên, giáo dục giới tính, phòng tránh dịch bệnh...

Công tác thư viện, thiết bị

Quản lý và sử dụng tốt sách báo, tranh ảnh, phục vụ tốt bạn đọc. Khai thác sử dụng tốt phần mềm thư viện, Đoàn kiểm tra của PGD về đánh giá công tác xây dựng thư viện đạt Thư viện mức 2 theo Thông tư 16/2021.

Quản lý và sử dụng tốt thiết bị phục vụ đầy đủ trang thiết bị cho GV giảng dạy, thông tin đầy đủ những đồ dùng dạy học cho GV biết để sử dụng. Khai thác và sử dụng phần mềm thiết bị. Tuy nhiên, thiết bị dạy học tối thiểu chưa đảm bảo theo Thông tư 38 và Thông tư 26 (bổ sung thông tư 38).

Công tác tiếp công dân: Nhà trường thành lập đầy đủ Ban tiếp công dân, quy định, nội quy, lịch tiếp và mở sổ tiếp công dân đầy đủ. Trong năm không có trường hợp khiếu nại, khiếu kiện, tố cáo.

HIỆU TRƯỞNG
(ký tên, đóng dấu)

Võ Hồng Khanh